

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-04-2021
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Khanh;

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

Trong ngày 28 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Diệu A, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp 05, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Bùi Doãn T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: số 12, khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Diệu A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị Diệu A và anh T được gia đình tổ chức lễ cưới đầu năm 2019 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và nhiều lần chị và anh T cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng hơn.

Chị Diệu A nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị A xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: chị Diệu A khai không có con chung.
- Về tài sản chung: chị Diệu A không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: chị Diệu A khai không có nợ chung.

2. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Bùi Doãn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh T vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được hai lần.

Ngày 13 tháng 04 năm 2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn chị Diệu A vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và bị đơn anh T có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Trần Thị Diệu A (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh Bùi Doãn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa

án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T tiến đến hôn nhân, có kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên trường hợp này, chị A có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Diệu A với anh T.

[4] Về quan hệ con chung: chị Trần Thị Diệu A và anh Bùi Doãn T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị Trần Thị Diệu A không yêu cầu chia tài sản chung và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị đơn anh Bùi Doãn T không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không có cơ sở xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chị Trần Thị Diệu A là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

- Anh Bùi Doãn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Diệu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Diệu A và anh Bùi Doãn T là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Diệu A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0005891 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai thì các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú